

*
Số - NQ/ĐU

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ ĐẢNG ỦY
Về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo
và chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Môi trường

Thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều nghị quyết và hệ thống văn bản pháp luật nhằm đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ (KH-CN), chuyển đổi số (CĐS), cũng như triển khai cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, đặc biệt, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KH-CN, đổi mới sáng tạo (ĐMST) và CĐS quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW) có ý nghĩa quan trọng đối với ngành Nông nghiệp và Môi trường đang đối mặt với nhiều rủi ro, thách thức lớn, như: tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên chưa hiệu quả, chưa bền vững, nguy cơ cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, dịch bệnh và cạnh tranh thương mại quốc tế; các mô hình sản xuất nông nghiệp truyền thống, dựa vào lao động thủ công, chi phí đầu vào lớn, giá trị gia tăng thấp không còn phù hợp, trong khi chuyển đổi xanh, thân thiện môi trường, CĐS, phát triển kinh tế nông nghiệp tuần hoàn, đa giá trị đã trở thành xu thế tất yếu.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã cụ thể hóa thành các chương trình kế hoạch thực hiện để nâng cao năng lực, phát huy vai trò của các tổ chức, đội ngũ cán bộ nghiên cứu, huy động các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong ngành nông nghiệp và môi trường; nhiều sản phẩm KH-CN đã được chuyển giao vào sản xuất như giống cây trồng, vật nuôi, chế phẩm sinh học, vắc xin, thiết bị, quy trình công nghệ... góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế, đóng góp tích cực vào tăng trưởng và sự phát triển chung của ngành.

Tuy nhiên, hoạt động KHCN, ĐMST và CDS hiện nay chưa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, còn nhiều tồn tại, bất cập, hiệu quả chưa cao, chưa thực sự là nền tảng để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng phục vụ tái cơ cấu ngành. Do đó, để phát huy các thành tựu đã đạt được, huy động tổng thể các nguồn lực xã hội trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng; đưa hoạt động nghiên cứu, phát triển KHCN, ĐMST và CDS ngành nông nghiệp và môi trường phát triển nhanh và bền vững theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ, Ban Thường vụ Đảng uỷ Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Nghị quyết về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Môi trường.

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Đột phá phát triển KHCN, ĐMST và CDS ngành Nông nghiệp và Môi trường là động lực chính, then chốt và cần thiết để phát triển nhanh và bền vững ngành nông nghiệp và môi trường.

2. Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của các cấp uỷ đảng; xác định rõ vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị; quán triệt đến toàn thể lãnh đạo, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị về nhận thức, hành động, trách nhiệm trong thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực, cơ quan, đơn vị, cá nhân về KHCN, ĐMST và CDS.

3. Đổi mới tư duy để tạo đột phá trong xây dựng thể chế, pháp luật, quản lý nhà nước, khuyến khích, thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp, thương mại hóa, sở hữu trí tuệ, chuyển giao và ứng dụng các thành tựu KHCN tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp và bảo vệ môi trường; thay đổi nhận thức, hành động trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS ngành Nông nghiệp và Môi trường.

4. Lựa chọn, xác định ưu tiên các công nghệ, ngành hàng, lĩnh vực; đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có trọng tâm, trọng điểm tạo ra các sản phẩm mũi nhọn, lợi thế về KHCN, ĐMST và CDS nhằm tạo sự tăng trưởng, phát triển đột phá của ngành.

5. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS với các tổ chức quốc tế, các quốc gia phát triển.

6. Đẩy mạnh CDS, tập trung phát triển hạ tầng số, công nghệ số, hoàn thành, đưa vào vận hành các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành của Bộ

Nông nghiệp và Môi trường bảo đảm nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, kết nối, chia sẻ phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và công tác chỉ đạo, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ.

II. MỤC TIÊU

1. Tiềm lực, trình độ KHCN, ĐMST và CDS đạt mức tiên tiến ở một số lĩnh vực (trồng trọt bảo vệ thực vật, chăn nuôi thú y, thủy sản, lâm nghiệp, địa chất và khoáng sản, khí tượng thủy văn, môi trường, biển và hải đảo, tài nguyên nước, viễn thám ...) thuộc nhóm dẫn đầu trong các nước đang chuyển lên mức thu nhập trung bình cao.

2. Đến năm 2030, tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng ngành nông nghiệp đạt trên 50%, góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, xã hội, con người.

3. Hệ thống tổ chức KHCN, ĐMST và CDS ngành nông nghiệp và môi trường được rà soát, sắp xếp, tăng cường năng lực, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu - chuyển giao, ứng dụng - đào tạo.

4. Phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; hoàn thành xây dựng, đưa vào vận hành, khai thác hiệu quả các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành nông nghiệp và môi trường, kết nối, chia sẻ, đồng bộ với Trung tâm Dữ liệu quốc gia, các hệ thống thông tin, CSDL của bộ, ngành, địa phương phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và công tác chỉ đạo, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ.

5. Đến năm 2030, nguồn nhân lực nghiên cứu KHCN, ĐMST và CDS của ngành đạt trên 12 người/vạn dân; số lượng công bố khoa học quốc tế tăng trung bình 10%/năm; số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế/bảo hộ tăng trung bình 20%/năm, tỉ lệ khai thác thương mại sản phẩm KHCN đạt 8 - 10%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức để đột phá, đổi mới tư duy, hành động trong nghiên cứu, ứng dụng KHCN, ĐMST và CDS

- Đẩy mạnh công tác truyền thông nhằm nâng cao nhận thức các cấp ủy/thủ trưởng các đơn vị về vai trò then chốt của KHCN, ĐMST và CDS theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày

01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 71/NQ-CP).

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo và chịu trách nhiệm toàn diện về việc tổ chức triển khai kịp thời, có hiệu quả và báo cáo kết quả thực hiện các nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 193/2025/QH15, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW và nhiệm vụ được Bộ phân công; lãnh đạo, đảng viên, công chức, viên chức phải gương mẫu, tiên phong thực hiện nhiệm vụ về KHCN, ĐMST và CDS.

- Thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, sáng tạo, khuyến khích tư duy mở, tư duy hệ thống và tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới trong các hoạt động KHCN, ĐMST và CDS.

- Tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong đột phá phát triển KHCN, ĐMST và CDS trong ngành nông nghiệp và môi trường.

2. Đổi mới thể chế và chính sách, cải cách hành chính tạo động lực cho phát triển KHCN, ĐMST và CDS

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế chính sách về KHCN, ĐMST và CDS theo hướng đồng bộ, tinh gọn, thống nhất; đẩy mạnh cơ chế đặt hàng, tuyển chọn công khai, minh bạch, thúc đẩy nghiên cứu KHCN theo nhu cầu thực tiễn của từng lĩnh vực và của ngành, chuyển giao và ứng dụng các thành tựu KHCN tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp và bảo vệ môi trường.

- Cải cách, cắt giảm tối đa các thủ tục hành chính trong quản lý các nhiệm vụ KHCN; nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm các tổ chức khoa học và công nghệ.

- Tăng cường giám sát, kiểm tra, đánh giá hiệu quả chính sách KHCN nhằm tạo lập môi trường thuận lợi cho nghiên cứu KHCN, ĐMST và CDS.

- Hoàn thiện các quy định kỹ thuật về thông tin, dữ liệu; quy trình kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về thu nhận, số hóa, tạo lập, xây dựng CSDL; kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin dữ liệu các lĩnh vực được giao quản lý với CSDL quốc gia, vận hành thông suốt từ Trung ương đến địa

phương; đảm bảo an toàn thông tin, hành lang pháp lý cho hoạt động của ngành nông nghiệp và môi trường trên môi trường số.

- Đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bảo đảm kinh tế số các ngành, lĩnh vực chiếm tối thiểu 70% kinh tế ngành; đẩy mạnh sản xuất thông minh trong các lĩnh vực của ngành nông nghiệp và môi trường. Chuẩn hóa an toàn thông tin mạng, bảo mật dữ liệu theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.

- Thành lập Quỹ phát triển KHCN và ĐMST của Bộ theo quy định tại Luật KHCN và ĐMST năm 2025, Nghị quyết số 193/2025/QH15 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

3. Đổi mới toàn diện quy trình đặt hàng, xét duyệt, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học, công nghệ; công tác xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

- Bảo đảm các nhiệm vụ KHCN phải xuất phát từ yêu cầu quản lý nhà nước, từ thực tiễn sản xuất, nhu cầu của người dân và doanh nghiệp; xem xét các danh mục “đặt hàng mở” để huy động sự tham gia rộng rãi của các chủ thể mà không phân biệt khu vực công và khu vực tư. Áp dụng cơ chế đặt hàng, tuyển chọn nhiệm vụ KHCN bảo đảm công khai, minh bạch, cạnh tranh, áp dụng cho cả khu vực công và khu vực tư.

- Lựa chọn một số lĩnh vực ưu tiên để đầu tư nghiên cứu trọng tâm, trọng điểm nhằm tạo ra sự phát triển đột phá của ngành như: Công nghệ sinh học, chọn, tạo giống, sản xuất chế phẩm sinh học, vắc - xin, công nghệ nuôi biển, quy trình canh tác thông minh, nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sau thu hoạch, nông nghiệp số; các giải pháp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn lực tài nguyên đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, nhất là tài nguyên đất, nước, khoáng sản, đặc biệt là khoáng sản chiến lược; các giải pháp về phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường, nhất là môi trường tại các đô thị, vùng nông thôn, khu công nghiệp, lưu vực sông, làng nghề, khu chăn nuôi tập trung; phát triển hệ thống hạ tầng thủy lợi thông minh; các công nghệ, giải pháp tiên tiến, hiện đại về quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu...

- Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo hướng đồng bộ, phù hợp thông lệ quốc tế, hài hòa, linh hoạt giữa vai trò định hướng của Nhà nước và vai trò chủ động của thị trường. Gắn kết các hoạt

động nghiên cứu phục vụ công tác xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Thực hiện cơ chế, chính sách mới để thử nghiệm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào thực tế, quản lý nhằm kiểm chứng và tối ưu hóa trước khi triển khai rộng rãi, chính thức. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa theo hướng giảm thủ tục hành chính, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả.

- Rà soát, ban hành mới và tổ chức triển khai hiệu quả các chiến lược về nghiên cứu, ứng dụng KHCN trong khai thác, phát triển không gian biển, không gian ngầm, không gian vũ trụ. Chú trọng phát triển hạ tầng năng lượng, nhất là năng lượng mới, năng lượng xanh, sạch, tái tạo và bảo đảm an ninh năng lượng cho phát triển KHCN các ngành công nghiệp chiến lược. Quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản của đất nước, nhất là đất hiếm để phát triển KHCN, ĐMST.

4. Đổi mới và tăng cường tiềm lực hệ thống tổ chức KHCN

- Tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp KHCN của Bộ, ngành theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả và tự chủ; xây dựng các đơn vị nghiên cứu có năng lực cạnh tranh, mang tính tổng thể với tầm nhìn trung hạn và dài hạn, có đối tác xã hội hóa, có khả năng kết nối doanh nghiệp; thúc đẩy mô hình “vườn ươm ĐMST”, kết nối công nghệ, thành lập mạng lưới chuyên gia ngành nông nghiệp và môi trường trong và ngoài nước.

- Công bố danh mục các bài toán lớn về KHCN, ĐMST và CDS của ngành nông nghiệp và môi trường để các doanh nghiệp, cá nhân tham gia giải quyết; phát triển hệ thống, trung tâm ĐMST ngành, trong đó lấy doanh nghiệp làm trung tâm dẫn dắt các hoạt động ĐMST, các viện và trường đại học là các chủ thể nghiên cứu mạnh, các cơ quan quản lý nhà nước đóng vai trò kiến tạo môi trường thể chế, chính sách thuận lợi, thúc đẩy liên kết giữa các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và tổ chức hỗ trợ trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KHCN và ĐMST.

- Tổ chức rà soát, đánh giá tổng thể hiện trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực, năng lực tiếp nhận, chuyển giao công nghệ của các tổ chức KHCN, các phòng phân tích, phòng thí nghiệm để xây dựng kế hoạch phát triển trung hạn và dài hạn đáp ứng yêu cầu thực tế, góp phần tạo bước đột phá phát triển KHCN, ĐMST và CDS theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 71-NQ/CP. Trong giai đoạn 2026-2030, tập trung ưu tiên đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, CSDL phục vụ nghiên

cứu, ứng dụng chuyển giao KHCN của các tổ chức KHCN thuộc Bộ.

- Tập trung đào tạo, phát triển và thu hút nguồn nhân lực KHCN chất lượng cao; có cơ chế thu hút, khuyến khích đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, trí thức giỏi trong nước và quốc tế, đặc biệt phát huy được vai trò, sự tham gia của đội ngũ nhân lực làm KHCN từ khu vực tư nhân, các doanh nghiệp, hiệp hội để tạo nên một hệ sinh thái nhân lực năng động, sáng tạo, gắn bó với hoạt động KHCN và sự phát triển của ngành.

5. Huy động nguồn lực cho phát triển KHCN, ĐMST và CDS

- Tăng cường đầu tư, bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm của Bộ cho phát triển KHCN, ĐMST và CDS; có cơ chế kinh tế, tài chính khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, tham gia mạnh hơn vào hoạt động nghiên cứu, phát triển và đổi mới KHCN, ĐMST và CDS trong ngành nông nghiệp và môi trường.

- Tiếp tục đầu tư cải thiện hạ tầng cơ sở vật chất cho khối viện, trường và các trung tâm chuyên ngành của các cơ quan quản lý. Đầu tư một số viện, trường, trung tâm chuyên ngành trở thành đơn vị chuyên môn, nghiên cứu, đào tạo ngang tầm khu vực và quốc tế.

- Đề xuất chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho KHCN, ĐMST và CDS.

- Xây dựng cơ chế hợp tác công – tư (PPP) trong nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, ưu tiên lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp số và CDS.

- Khuyến khích các tập đoàn, doanh nghiệp tư nhân, quỹ đầu tư trong nước và quốc tế tham gia vào các chương trình KHCN, ĐMST và CDS của Bộ; áp dụng ưu đãi thuế và cơ chế chia sẻ lợi nhuận từ kết quả nghiên cứu.

6. Đẩy mạnh CDS, ứng dụng KHCN, ĐMST trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ

- Xây dựng, ban hành các văn bản quy định kỹ thuật về CSDL bảo đảm chuẩn hóa, thu nhận, xây dựng, cập nhật, quản lý, quản trị, vận hành, kết nối liên thông, chia sẻ, khai thác, sử dụng, đồng bộ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, thống nhất từ địa phương lên trung ương.

- Xây dựng, ban hành Chiến lược dữ liệu, Chương trình CDS, Khung Kiến trúc Chính phủ số Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Phiên bản 4.0);

Danh mục CSDL dùng chung; Danh mục dữ liệu mở; Danh mục và kế hoạch phát triển dữ liệu lớn thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

- Xây dựng, đưa vào khai thác sử dụng các CSDL quốc gia và chuyên ngành bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung” theo lộ trình tại Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, Nghị quyết số 71/NQ-CP.

- Đầu tư xây dựng, triển khai hạ tầng số hợp nhất, tập trung hóa, sử dụng chung; vận hành, nâng cấp các Trung tâm dữ liệu ngành, sử dụng công nghệ hiện đại, bảo đảm an toàn thông tin đáp ứng quy mô tăng trưởng của dữ liệu và các dịch vụ dữ liệu; kết nối với Trung tâm dữ liệu quốc gia, Trung tâm dữ liệu vùng, Hệ thống đám mây của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương. Xây dựng Trung tâm giám sát điều hành thông minh nhằm tăng cường quản lý công, nâng cao hiệu lực quản trị, hiệu quả điều hành; thực hiện chỉ đạo, điều hành của cơ quan, đơn vị trực tuyến, dựa trên CSDL, nâng cao tương tác giữa cơ quan quản lý và người dân, doanh nghiệp.

- Triển khai, phát triển nền tảng số dùng chung của ngành nông nghiệp và môi trường, kết nối, liên thông với các nền tảng số quốc gia bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông trên môi trường số.

- Thúc đẩy phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực quản lý của Bộ; phân tích, xử lý và cảnh báo, dự báo số liệu ngành nông nghiệp và môi trường.

- Triển khai các nhiệm vụ CDS trong các cơ quan đảng thuộc Đảng bộ Bộ Nông nghiệp và Môi trường; phối hợp triển khai Đề án CDS trong các cơ quan đảng theo Quyết định số 204-QĐ/TW ngày 29/11/2024. Đẩy mạnh loại hình cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cấp giấy phép tự động, cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; phấn đấu bảo đảm mục tiêu của Chính phủ đến năm 2030 đạt, đảm bảo trên 90% TTHC liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, hiệu quả.

- Tạo điều kiện, thúc đẩy các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư, tài trợ, tăng cường nghiên cứu các công nghệ số, phát triển các nền tảng số, hoạt động dữ liệu số, tạo ra các dịch vụ, nội dung số.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế, đào tạo trong nghiên cứu khoa học

- Thiết lập và mở rộng các mối quan hệ hợp tác quốc tế với các tổ chức nghiên cứu, viện trường và doanh nghiệp KHCN ở các quốc gia có nền

KHCN phát triển; tham gia các chương trình hợp tác song phương, đa phương, các mạng lưới ĐMST và trung tâm công nghệ khu vực.

- Đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bảo đảm kinh tế số các ngành, lĩnh vực chiếm tối thiểu 70% kinh tế số; đẩy mạnh sản xuất thông minh trong các ngành, lĩnh vực nông nghiệp, tài nguyên và môi trường.

- Đẩy mạnh đào tạo nhân lực, chuyển giao tri thức KHCN, ĐMST thông qua doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); xây dựng các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ trong nước đầu tư ra nước ngoài.

- Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghệ cao và chiến lược. Đẩy mạnh giáo dục theo định hướng ứng dụng. Triển khai các chương trình đào tạo chuyên sâu cho kỹ sư, thạc sĩ, tiến sĩ trong các ngành công nghệ then chốt và xây dựng cơ sở giáo dục tiên tiến về trí tuệ nhân tạo.

- Thu hút chuyên gia, trí thức Việt Nam ở nước ngoài và các tổ chức quốc tế tham gia nghiên cứu, đào tạo, tư vấn chính sách; tăng cường khai thác các nguồn lực tài chính quốc tế, hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ tiên tiến phục vụ phát triển bền vững ngành.

- Đề xuất hợp tác liên Chính phủ để hỗ trợ phát triển KHCN, ĐMST và CDS, tham gia xây dựng các quy tắc, tiêu chuẩn quốc tế về các công nghệ mới trong các lĩnh vực Bộ quản lý; thúc đẩy nâng cao năng lực và chuyển giao công nghệ trong các thoả thuận quốc tế, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ là Lãnh đạo Bộ trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các Đảng bộ, Chi bộ các đơn vị trực thuộc thuộc lĩnh vực phụ trách trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Chi bộ Vụ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp thực hiện:

- a) Tham mưu rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo của Bộ về phát triển KHCN, ĐMST và CDS và Đề án 06. Thành lập Hội đồng Tư vấn Bộ Nông nghiệp và Môi trường về phát triển KHCN, ĐMST và CDS với sự tham gia của các chuyên gia trong và ngoài nước;

b) Tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện, đầu mối tổng hợp, báo cáo và cập nhật kết quả thực hiện các nhiệm vụ KHCN, ĐMST và CDS trong nghiên cứu KHCN;

c) Tham mưu chỉ đạo kiểm tra, giám sát, đôn đốc các đơn vị thuộc Bộ thực hiện và báo cáo các nhiệm vụ Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71-NQ/CP và các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân công;

d) Định kỳ tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ.

3. Đảng bộ Cục Chuyển đổi số chủ trì, phối hợp các đơn vị thuộc Bộ tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả và là đầu mối tổng hợp, báo cáo và cập nhật kết quả thực hiện các nhiệm vụ về CDS và Đề án 06.

4. Chi bộ Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp thực hiện:

a) Rà soát, trình ban hành quy định về trách nhiệm người đứng đầu trực tiếp phụ trách, chỉ đạo về phát triển KHCN, ĐMST và CDS;

b) Phối hợp với Vụ Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan tham mưu chỉ đạo kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy các tổ chức khoa học và công nghệ hoạt động bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả và theo hướng tự chủ;

c) Tham mưu cơ chế, chính sách phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển KHCN, ĐMST và CDS của Bộ và của ngành nông nghiệp và môi trường;

d) Xây dựng kế hoạch để các chuyên gia Việt Nam tham gia vào các tổ chức quốc tế có liên quan, đặc biệt là các tổ chức khoa học và công nghệ và tạo thuận lợi cho các chuyên gia nước ngoài đến Việt Nam làm việc trong quá trình hợp tác và trao đổi giữa các quốc gia;

e) Đầu mối báo cáo và cập nhật kết quả thực hiện các nhiệm vụ về cải cách hành chính.

5. Chi bộ Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì tham mưu:

a) Hằng năm, cân đối và bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm của Bộ cho phát triển KHCN, ĐMST và CDS, bảo đảm thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 193/2025/QH15, Nghị quyết số 71/NQ-CP;

b) Đề xuất, xây dựng, ban hành cơ chế đặc thù về đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, thương mại các sản phẩm là kết quả của nghiên cứu KHCN, ĐMST và CDS;

c) Tham mưu, đề xuất các cơ chế, chính sách về đầu tư, tài chính, quản lý tài sản hình thành từ các nhiệm vụ KHCN;

d) Chủ động, tích cực tham gia rà soát, sửa đổi, bổ sung, góp ý các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tài chính liên quan đến KHCN, ĐMST và CDS.

6. Các đảng bộ, chi bộ trực thuộc Đảng bộ Bộ:

a) Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 193/2025/QH15, Nghị quyết số 71/NQ-CP và Nghị quyết này để ban hành Nghị quyết cấp ủy đơn vị để tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời, hiệu quả;

b) Quán triệt, tuyên truyền, tạo sự thống nhất trong nhận thức, hành động và tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời và có hiệu quả các nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71-NQ/CP và các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân công;

c) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Quyết định số 2401/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung cập nhật Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội và Nghị quyết số 71/NQ-CP; Quyết định số 1891/QĐ-BNNMT ngày 04/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành Kế hoạch và phân công thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP;

d) Định kỳ hàng ngày, hàng tháng tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao trên Hệ thống giám sát đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW (nq57.vn), Nghị quyết số 71/NQ-CP (nq71.mst.gov.vn) và các báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương.

7. Giao Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc cấp ủy, các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ theo quy định.

Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ yêu cầu các tổ chức đảng trực thuộc phổ biến, quán triệt đến toàn thể lãnh đạo, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động của đơn vị; lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai kịp thời, có hiệu quả các nội dung của Nghị quyết này./. *Phong*

Nơi nhận:

- Văn phòng TW Đảng và các Ban Đảng TW (để b/c),
- Đảng ủy Chính phủ (để b/c),
- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy,
- Các đồng chí Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy,
- Các đảng bộ, chi bộ trực thuộc Đảng bộ Bộ,
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Đảng ủy Bộ,
- Các đoàn thể trực thuộc,
- Lưu VPĐU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Trần Đức Thắng